

# **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO**

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 30

## CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Khatoco (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Chủ tịch Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

#### Chủ tịch Hội đồng thành viên

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Tiến Anh	Chủ tịch

#### Ban Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đình Thạch	Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Nga	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thất Linh	Phó Giám đốc

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Nguyễn Đình Thạch, Giám đốc.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: <http://www.ecovis.com/vietnam/audit>).



Số: 127/2022/BCKT-E.AFA

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** **Chủ tịch Hội đồng thành viên**  
**Các thành viên Ban Giám đốc**  
**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Thương mại Khatoco (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22/03/2022 từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phạm Quang Trung**  
**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1334-2021-240-1

**Lê Văn Hoàng**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 5399-2021-240-1

**Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM**

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2022

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO**

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Mẫu số B 01 - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>334.761.860.807</b>	<b>379.612.106.487</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>58.632.819.700</b>	<b>91.277.775.094</b>
1. Tiền	111	4.1	58.632.819.700	91.277.775.094
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>83.109.417.493</b>	<b>58.420.177.819</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	57.660.868.176	54.355.666.367
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	25.165.214.177	3.395.513.065
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	368.796.890	754.460.137
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(85.461.750)	(85.461.750)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.6</b>	<b>186.158.837.039</b>	<b>218.675.135.270</b>
1. Hàng tồn kho	141		189.621.106.030	221.747.897.411
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.462.268.991)	(3.072.762.141)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.860.786.575</b>	<b>11.239.018.304</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	2.789.307.668	3.098.724.830
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.071.478.907	8.140.293.474
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>130.995.542.353</b>	<b>132.626.771.046</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>260.000.000</b>	<b>120.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	260.000.000	120.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>128.564.113.497</b>	<b>130.410.465.287</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	42.377.256.124	45.156.010.129
Nguyên giá	222		111.871.294.536	111.961.317.036
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.494.038.412)	(66.805.306.907)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	86.186.857.373	85.254.455.158
Nguyên giá	228		87.382.799.561	86.295.467.561
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.195.942.188)	(1.041.012.403)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>223.207.655</b>	<b>135.132.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		223.207.655	135.132.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.948.221.201</b>	<b>1.961.173.759</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	1.948.221.201	1.961.173.759
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>465.757.403.160</b>	<b>512.238.877.533</b>

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO**

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Mẫu số B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>215.757.403.160</b>	<b>262.238.877.533</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>215.757.403.160</b>	<b>262.238.877.533</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	4.143.181.145	20.558.905.165
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	29.133.997.974	47.721.239.661
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	6.020.030.211	12.265.561.272
4. Phải trả người lao động	314		32.074.134.067	27.585.616.435
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	1.424.516.323	1.538.560.282
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	14.192.036.032	44.280.150.469
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		128.769.507.408	108.288.844.249
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>250.000.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.15</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>465.757.403.160</b>	<b>512.238.877.533</b>



**Nguyễn Đình Thạch**  
Giám đốc

Nha Trang, ngày 22 tháng 03 năm 2022

**Lê Xuân Hằng**  
Kế toán trưởng

**Phạm Nguyễn Phương Nam**  
Người lập



**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO**

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Mẫu số B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	5.574.131.858.249	5.616.611.971.783
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	7.934.617.330	5.263.646.264
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.566.197.240.919	5.611.348.325.519
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	5.207.160.630.645	5.235.737.662.247
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		359.036.610.274	375.610.663.272
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	160.165.637	465.547.118
7. Chi phí tài chính	22	5.5	3.534.678.985	1.533.417.441
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	173.519.005.797	183.510.111.968
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	22.260.865.362	29.883.484.669
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		159.882.225.767	161.149.196.312
11. Thu nhập khác	31	5.8	441.679.904	1.358.779.022
12. Chi phí khác	32	5.9	242.929.986	1.173.298.733
13. Lợi nhuận khác	40		198.749.918	185.480.289
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		160.080.975.685	161.334.676.601
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	32.293.510.351	33.838.565.703
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		127.787.465.334	127.496.110.898



**Nguyễn Đình Thạch**  
Giám đốc

Nha Trang, ngày 22 tháng 03 năm 2022

**Lê Xuân Hằng**  
Kế toán trưởng

**Phạm Nguyên Phương Nam**  
Người lập

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO**

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**Mẫu số B 03 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>160.080.975.685</b>	<b>161.334.676.601</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.083.473.790	2.971.947.904
Các khoản dự phòng	03		389.506.850	(23.237.640)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		422.199.185	122.146.808
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(226.257.225)	(850.649.769)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>163.749.898.285</b>	<b>163.554.883.904</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.824.535.281)	(10.813.753.759)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		32.126.791.381	(29.957.102.859)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(30.403.033.696)	18.408.122.607
Tăng giảm chi phí trả trước	12		322.369.720	226.691.987
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(38.536.810.857)	(31.224.374.257)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	15.300.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.958.285.110)	(12.250.847.541)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>102.476.394.442</b>	<b>97.958.920.082</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.325.197.655)	(922.476.022)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn của đơn vị khác	22		148.090.911	518.181.819
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		78.166.314	332.467.950
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.098.940.430)</b>	<b>(71.826.253)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(133.665.202.334)	(75.136.069.542)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(133.665.202.334)</b>	<b>(75.136.069.542)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>(32.287.748.322)</b>	<b>22.751.024.287</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		91.277.775.094	68.637.425.357
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(357.207.072)	(110.674.550)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>58.632.819.700</b>	<b>91.277.775.094</b>



Nguyễn Đình Thạch  
Giám đốc

Nha Trang, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Lê Xuân Hằng  
Kế toán trưởng

Phạm Nguyên Phương Nam  
Người lập

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Thương mại Khatoco (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Quyết định số 77A/QĐ-UB ngày 21/05/2002 của Chủ tịch UBND Tỉnh Khánh Hòa. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4200485207 đăng ký lần đầu ngày 14/06/2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 09/02/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 250.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 605 người (31 tháng 12 năm 2020 là 574 người).

#### **1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại và dịch vụ.

#### **1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào (Chi tiết: bán buôn sản phẩm thuốc lá điếu sản xuất trong nước);
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: mua bán thịt và các sản phẩm từ thịt (thịt đà điểu, cá sấu). Mua bán thực phẩm khác (trứng đà điểu));
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: mua bán va li, ví, túi xách, các mặt hàng mỹ nghệ từ da đà điểu, cá sấu);
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: bán lẻ thuốc lá, đà điểu sản xuất trong nước);
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: bán lẻ vải);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: bán lẻ hàng may mặc sẵn, giày dép, vai li, ví, túi xách);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: mua bán các mặt hàng mỹ nghệ từ đà điểu, cá sấu);
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (Chi tiết: bán buôn vải, hàng may mặc sẵn. Mua bán giày, dép);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ (Xe ô tô từ 12 ghế trở lên);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Vận tải hành khách đường bộ khác.

#### **1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2021 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh tại Hải Phòng	Số 649-651-653 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Chi nhánh tại Hà Nội	Số 24 – 25 - 26 Khu nhà vườn, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thủ đô Hà Nội
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Số 86 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh tại Bình Định	Số 164 Nguyễn Thái Học, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Chi nhánh tại Đồng Nai	Số 123B Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 420 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân phú, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại Cần Thơ	Số 1 Mậu Thân, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

**3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**3.4. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b><u>Năm 2021</u></b>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	5 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm

**3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất chi tiết tại Thuyết minh số 4.9.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (3 năm). (Năm 2019: 3 năm).

**3.8. Thuê tài sản**

*Phân loại thuê tài sản*

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Thuê hoạt động*

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

**3.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí thuê nhà, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 năm đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa được phân bổ dần từ trên 1 năm đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí thuê nhà được phân bổ theo thời gian thuê;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**3.11. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.12. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.13. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho Công ty mẹ sau khi được Chủ tịch Hội đồng thành viên thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.14. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

***Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

**3.15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

**3.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.17. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chiết khấu thanh toán, lãi trả chậm và chênh lệch tỷ giá.

**3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.19. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.20. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là thương mại, dịch vụ và bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

**3.21. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO**

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền**

	Ngoại tệ	Tại ngày 31/12/2021 VND	Ngoại tệ	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt tại quỹ (VND)		395.968.160		759.975.965
Tiền gửi ngân hàng		58.236.851.540		90.517.799.129
+ VND		25.297.998.098		39.052.589.993
+ USD	1.434.157,94	32.479.007.298	2.229.378,78	51.465.209.136
+ EUR	17.962,74	459.846.144	-	-
<b>Cộng</b>		<b><u>58.632.819.700</u></b>		<b><u>91.277.775.094</u></b>

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi nhánh Công ty TNHH Phước Thọ	4.344.846.067	4.450.892.055
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dịch vụ Phúc Khang Thịnh	16.946.530.672	17.205.225.266
GENERALE POUR L ENFANT	6.463.809.435	-
Các đối tượng khác	29.905.682.002	32.699.549.046
<b>Cộng</b>	<b><u>57.660.868.176</u></b>	<b><u>54.355.666.367</u></b>

Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 6	126.308.636	-
--	-------------	---

**4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tổng công ty Khánh Việt	22.664.749.892	-
Qingdao Frank Fashion Co., Ltd	625.941.614	760.102.410
TRY EARN ENTERPRISES LIMITED	726.700.339	1.291.608.433
Các đối tượng khác	1.147.822.332	1.343.802.222
<b>Cộng</b>	<b><u>25.165.214.177</u></b>	<b><u>3.395.513.065</u></b>

Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 6	22.664.749.892	-
--	----------------	---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.4. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Ký quỹ, ký cược	306.752.000	-	721.752.000	-
Tạm ứng	19.576.626	-	419.035	-
Phải thu khác	42.468.264	-	32.289.102	-
<b>Cộng</b>	<b>368.796.890</b>	<b>-</b>	<b>754.460.137</b>	<b>-</b>
Dài hạn:				
Ký quỹ, ký cược	260.000.000	-	120.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>260.000.000</b>	<b>-</b>	<b>120.000.000</b>	<b>-</b>

**4.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi	85.461.750	-	85.461.750	-
<b>Cộng</b>	<b>85.461.750</b>	<b>-</b>	<b>85.461.750</b>	<b>-</b>

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND			Tại ngày 01/01/2021 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân phối Bảo Nguyên	85.461.750	-	Trên 3 năm	85.461.750	-	Từ 2 đến 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>85.461.750</b>	<b>-</b>		<b>85.461.750</b>	<b>-</b>	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	24.358.372.857	-	11.000.160.360	-
Công cụ, dụng cụ	319.800.179	-	213.307.280	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	309.349.824	-	-	-
Thành phẩm	41.471.352.112	2.083.076.219	41.402.098.288	2.260.894.457
Hàng hóa	123.162.231.058	1.379.192.772	169.015.678.103	811.867.684
Hàng gửi đi bán	-	-	116.653.380	-
<b>Cộng</b>	<b>189.621.106.030</b>	<b>3.462.268.991</b>	<b>221.747.897.411</b>	<b>3.072.762.141</b>

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, chậm luân chuyển tại thời điểm cuối kỳ là 11.928.978.868 VND.

**4.7. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Chi phí thuê nhà trả trước	2.266.673.541	2.401.511.420
Chi phí sửa chữa xe	217.805.373	286.708.396
Chi phí mua bảo hiểm	95.555.503	116.003.329
Công cụ, vật rẻ	87.407.414	132.761.023
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	121.865.837	161.740.662
<b>Cộng</b>	<b>2.789.307.668</b>	<b>3.098.724.830</b>
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa khác	315.671.749	474.398.682
Chi phí quảng cáo, thương hiệu	41.127.374	309.087.339
Công cụ, vật rẻ	474.431.963	1.160.257.554
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.116.990.115	17.430.184
<b>Cộng</b>	<b>1.948.221.201</b>	<b>1.961.173.759</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.8. Tăng , giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2021	49.818.088.174	7.097.611.773	49.870.852.447	5.174.764.642	111.961.317.036
Mua trong năm	-	113.200.000	-	36.590.000	149.790.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(239.812.500)	-	(239.812.500)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>49.818.088.174</b>	<b>7.210.811.773</b>	<b>49.631.039.947</b>	<b>5.211.354.642</b>	<b>111.871.294.536</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2021	16.798.033.702	5.026.450.698	39.947.926.115	5.032.896.392	66.805.306.907
Khấu hao trong năm	1.428.700.548	254.191.207	1.208.193.744	37.458.506	2.928.544.005
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(239.812.500)	-	(239.812.500)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>18.226.734.250</b>	<b>5.280.641.905</b>	<b>40.916.307.359</b>	<b>5.070.354.898</b>	<b>69.494.038.412</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2021	33.020.054.472	2.071.161.075	9.922.926.332	141.868.250	45.156.010.129
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>31.591.353.924</b>	<b>1.930.169.868</b>	<b>8.714.732.588</b>	<b>140.999.744</b>	<b>42.377.256.124</b>

Không có tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối năm là 51.346.955.676 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2021	84.853.399.561	1.442.068.000	86.295.467.561
Mua trong năm	-	1.087.332.000	1.087.332.000
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>84.853.399.561</b>	<b>2.529.400.000</b>	<b>87.382.799.561</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2021	-	1.041.012.403	1.041.012.403
Khấu hao trong năm	-	154.929.785	154.929.785
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>-</b>	<b>1.195.942.188</b>	<b>1.195.942.188</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2021	84.853.399.561	401.055.597	85.254.455.158
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>84.853.399.561</b>	<b>1.333.457.812</b>	<b>86.186.857.373</b>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối năm là 787.000.000 VND.

Chi tiết Quyền sử dụng đất Công ty đang theo dõi tại ngày 31/12/2021:

STT	Địa điểm	Nguyên giá	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng
1.	Quyền sử dụng đất tại số 3A Mậu Thân, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	1.000.000.000	638,5	Lâu dài
2.	Quyền sử dụng đất tại số 12-14-16 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	3.780.940.000	295,7	Lâu dài
3.	Quyền sử dụng đất tại số 19 Phan Châu Trinh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	8.521.976.400	301,4	Lâu dài
4.	Quyền sử dụng đất tại Lô số B6 Khu Công nghiệp Thanh Vinh mở rộng, Xã Hoà Liên, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng	7.670.899.400	5.050,0	Lâu dài
5.	Quyền sử dụng đất tại số 123B Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	5.098.065.000	368,5	Lâu dài
6.	Quyền sử dụng đất tại số 15 Lê Hồng Phong, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	4.137.078.000	140,0	Lâu dài
7.	Quyền sử dụng đất tại số 420 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	22.636.644.221	450,4	Lâu dài
8.	Quyền sử dụng đất tại số 24, 25, 26 Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	32.007.796.540	336,6	Lâu dài
<b>Cộng</b>		<b>84.853.399.561</b>	<b>7.581,1</b>	

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO**

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV Công ty Cổ phần In Bao Bì Khatoco	-	-	17.470.852.896	17.470.852.896
Các đối tượng khác	716.259.500	716.259.500	-	-
	3.426.921.645	3.426.921.645	3.088.052.269	3.088.052.269
<b>Cộng</b>	<b>4.143.181.145</b>	<b>4.143.181.145</b>	<b>20.558.905.165</b>	<b>20.558.905.165</b>
Trong đó: Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 6	738.514.667	738.514.667	17.744.927.801	17.744.927.801

**4.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vạn Thịnh	-	6.823.679.650
Công ty TNHH Khánh Thư Ban Mê	2.565.689.505	3.872.627.646
Công ty TNHH Thương Mại Lệ Bích	-	573.569.130
Công ty TNHH Đà Nẵng Mễ Cốc	5.144.112.175	4.912.483.580
Công ty TNHH Trang Hoàng	4.288.730.000	14.681.805.000
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tuấn Kha	3.096.583.750	3.629.262.500
Công ty TNHH Thanh Trọng	53.839.685	5.140.226.600
DNTN Hương Lan	1.677.939.977	3.577.915.602
Các đối tượng khác	12.307.102.882	4.509.669.953
<b>Cộng</b>	<b>29.133.997.974</b>	<b>47.721.239.661</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2021 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng nội địa	63.405	28.094.937.983	28.094.874.578	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.169.533.844	1.169.533.844	-
Thuế nhập khẩu	-	139.729.289	139.729.289	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.993.510.351	32.293.510.351	38.536.810.857	12.236.810.857
Thuế thu nhập cá nhân	26.456.455	1.286.351.316	1.288.645.276	28.750.415
Thuế nhà đất	-	316.172.409	316.172.409	-
Các loại thuế khác	-	30.500.000	30.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.020.030.211</b>	<b>63.330.735.192</b>	<b>69.576.266.253</b>	<b>12.265.561.272</b>

**4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí hoạt động KD Dệt may	69.846.307	384.117.193
Chi phí hoạt động KD Thuốc lá	1.120.201.300	1.132.066.804
Chi phí phải trả khác	234.468.716	22.376.285
<b>Cộng</b>	<b>1.424.516.323</b>	<b>1.538.560.282</b>

**4.14. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	13.348.517.065	43.665.202.334
Kinh phí công đoàn	181.779.163	181.143.582
Phải trả khác	661.739.804	433.804.553
<b>Cộng</b>	<b>14.192.036.032</b>	<b>44.280.150.469</b>

Trong đó: Phải trả khác cho các bên liên quan - Xem thêm mục 6 13.348.517.065 43.665.202.334



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.15. Vốn chủ sở hữu**

**4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu		
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	250.000.000.000	-	250.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	127.496.110.898	127.496.110.898
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(12.830.908.564)	(12.830.908.564)
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	-	(114.665.202.334)	(114.665.202.334)
Tại ngày 01/01/2021	250.000.000.000	-	250.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	127.787.465.334	127.787.465.334
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(24.438.948.269)	(24.438.948.269)
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ (*)	-	(103.348.517.065)	(103.348.517.065)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>250.000.000.000</b>

(\*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế theo Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 số 17B/PA-CTTM ngày 19/01/2022.

**4.15.2. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	250.000.000.000	250.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>

**4.15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp đầu năm	250.000.000.000	250.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<u>Tại ngày 31/12/2021</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021</u>
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		
+ Hàng mỹ nghệ các loại (VND)	1.347.610.000	1.057.809.000
Nợ khó đòi đã xử lý	437.337.027	437.337.027
Ngoại tệ các loại		
+ USD	1.434.157,94	2.229.378,78
+ EUR	17.962,74	-

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2021 VND</u>	<u>Năm 2020 VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	5.567.723.504.353	5.610.428.699.060
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.408.353.896	6.183.272.723
<b>Cộng</b>	<b><u>5.574.131.858.249</u></b>	<b><u>5.616.611.971.783</u></b>
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan - Xem thêm mục 6	13.461.870.697	12.300.421.567

**5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm 2021 VND</u>	<u>Năm 2020 VND</u>
Chiết khấu thương mại	109.971.014	423.493.435
Hàng bán bị trả lại	7.824.646.316	4.840.152.829
<b>Cộng</b>	<b><u>7.934.617.330</u></b>	<b><u>5.263.646.264</u></b>

**5.3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm 2021 VND</u>	<u>Năm 2020 VND</u>
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	5.206.771.123.795	5.235.760.899.887
Trích lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	389.506.850	(23.237.640)
<b>Cộng</b>	<b><u>5.207.160.630.645</u></b>	<b><u>5.235.737.662.247</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	78.166.314	89.733.077
Lãi bán hàng trả chậm	-	242.734.873
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	81.999.323	133.079.168
<b>Cộng</b>	<b>160.165.637</b>	<b>465.547.118</b>

**5.5. Chi phí tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chiết khấu thanh toán, lãi trả chậm	2.411.823.215	1.131.623.029
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	700.656.585	279.647.604
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm	422.199.185	122.146.808
<b>Cộng</b>	<b>3.534.678.985</b>	<b>1.533.417.441</b>

**5.6. Chi phí bán hàng**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	100.497.093.420	103.971.651.048
Chi phí bán hàng khác	73.021.912.377	79.538.460.920
<b>Cộng</b>	<b>173.519.005.797</b>	<b>183.510.111.968</b>

**5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	10.978.484.528	15.184.649.853
Chi phí thuê mặt bằng	1.997.037.760	2.320.241.646
Chi phí bằng tiền khác	9.285.343.074	12.378.593.170
<b>Cộng</b>	<b>22.260.865.362</b>	<b>29.883.484.669</b>

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO**

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.8. Thu nhập khác**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	148.090.911	518.181.819
Xử lý thừa kiểm kê	22.386.474	102.226.664
Các khoản thu nhập khác	271.202.519	738.370.539
<b>Cộng</b>	<b>441.679.904</b>	<b>1.358.779.022</b>

**5.9. Chi phí khác**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	346.957.584
Xử lý thiếu kiểm kê	20.796.224	103.837.558
Chi phí khác	222.133.762	722.503.591
<b>Cộng</b>	<b>242.929.986</b>	<b>1.173.298.733</b>

**5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	75.718.048.671	89.649.733.699
Chi phí nhân công	111.475.577.948	119.156.300.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.083.473.790	2.971.947.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.339.666.882	66.683.805.558
Chi phí khác bằng tiền	34.352.635.098	39.072.519.119
<b>Cộng</b>	<b>287.969.402.389</b>	<b>317.534.307.181</b>

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO**

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	160.080.975.685	161.334.676.601
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.508.095.711	4.236.280.631
- Chi phí không hợp lệ	1.086.778.465	3.198.410.769
- Chi phí phạt thuế, phạt hành chính khác	-	908.300.737
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm nay	421.317.246	121.519.639
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm trước	-	8.049.486
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	121.519.639	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm trước	121.519.639	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	161.467.551.757	165.570.957.232
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành</b>	<b>32.293.510.351</b>	<b>33.838.565.703</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	32.293.510.351	33.114.191.446
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	724.374.257

**6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH MTV  
 Công ty TNHH MTV ĐT & KD Bất động sản Khatoco  
 Công ty CP Du lịch Long Phú  
 Công ty CP Bao bì Tân Khánh An  
 Công ty CP In Bao bì Khatoco  
 Công ty CP Đông Á  
 Công ty kinh doanh Đà Điểu-Cá Sấu Khatoco - CN TCT Khánh Việt

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
 Công ty con của Tổng Công ty Khánh Việt  
 Công ty con của Tổng Công ty Khánh Việt  
 Công ty con của Tổng Công ty Khánh Việt  
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Khánh Việt  
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Khánh Việt  
 Chi nhánh của Tổng Công ty Khánh Việt

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO**

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/ phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
<b>Phải thu khách hàng:</b>		
Công ty CP Đông Á	126.308.636	-
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.2</b>	<b>126.308.636</b>	<b>-</b>
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
<b>Trả trước cho người bán:</b>		
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	22.664.749.892	-
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.3</b>	<b>22.664.749.892</b>	<b>-</b>
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
<b>Phải trả người bán:</b>		
Công ty CP Đông Á	10.857.000	42.328.000
Công ty Cổ phần In Bao Bì Khatoco	716.259.500	
Công ty CP Bao bì Tân Khánh An	11.398.167	10.270.905
Công ty kinh doanh Đà Điều-Cá Sấu Khatoco - CN TCT Khánh Việt	-	221.476.000
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	-	17.470.852.896
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.10</b>	<b>738.514.667</b>	<b>17.744.927.801</b>
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
<b>Phải trả khác:</b>		
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	13.348.517.065	43.665.202.334
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.14</b>	<b>13.348.517.065</b>	<b>43.665.202.334</b>

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHATOCO**

Địa chỉ: Số 07 Đường Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Trong năm, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Năm 2021 VND</b>	<b>Năm 2020 VND</b>
<b>Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV</b>		
Bán hàng - Xem thêm mục 5.1	6.412.236.901	5.146.920.798
Cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 5.1	5.524.008.442	5.956.272.724
Mua hàng hoá, dịch vụ	5.072.095.890.976	5.176.806.864.961
Lợi tức	103.348.517.065	114.665.202.334
<b>Công ty TNHH MTV ĐT&amp;KD Bất động sản Khatoco</b>		
Bán hàng - Xem thêm mục 5.1	7.150.000	8.030.000
Thanh lý tài sản	-	-
<b>Công ty CP Du lịch Long Phú</b>		
Cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 5.1	-	7.272.727
Mua hàng hoá, dịch vụ	-	95.454.546
<b>Công ty CP In Bao bì Khatoco</b>		
Bán hàng - Xem thêm mục 5.1	235.719.900	399.188.500
<b>Công ty CP Bao bì Tân Khánh An</b>		
Bán hàng - Xem thêm mục 5.1	71.730.000	277.765.000
Thuê kho	652.835.592	698.495.100
<b>Công ty CP Đông Á</b>		
Bán hàng - Xem thêm mục 5.1	332.680.000	504.971.818
Cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 5.1	878.345.454	-

**7. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty thuê văn phòng, mặt bằng cửa hàng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 05 đến 10 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	<b>Năm 2021 VND</b>	<b>Năm 2020 VND</b>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	6.402.701.545	7.119.252.542
<b>Cộng</b>	<b><u>6.402.701.545</u></b>	<b><u>7.119.252.542</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



**Nguyễn Đình Thạch**  
Giám đốc

Nha Trang, ngày 22 tháng 03 năm 2022

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Lê Xuân Hằng.

**Lê Xuân Hằng**  
Kế toán trưởng

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Phạm Nguyên Phương Nam.

**Phạm Nguyên Phương Nam**  
Người lập